**ĐỀ THI LÝ THUYẾT TỐT NGHIỆP HỆ CAO ĐẲNG NGHỀ**

**CÂU HỎI TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP**

**Câu 1**

**Trình bày khái niệm và đặc điểm trái phiếu của doanh nghiệp?**

**Tính bài tập sau: Trái phiếu B có mệnh giá 1 triệu đồng, lãi suất 10%/năm. Trái phiếu này đang bán trên thị trường với giá là 1,1 triệu đồng. Ông A quyết định mua trái phiếu này. Vậy lãi suất hiện hành là bao nhiêu? Trái phiếu này còn thời hạn là 5 năm, vậy lãi suất đáo hạn là bao nhiêu?**

-Trái phiếu doanh nghiệp là chứng chỉ vay vốn do doanh nghiệp phát hành thể hiện nghĩa vụ và sự cam kết của doanh nghiệp thanh toán số lợi tức và tiền vay vào những thời hạn xác định cho người nắm giữ trái phiếu. Doanh nghiệp là người phát hành với tư cách là người đi vay. Người mua trái phiếu là người cho vay còn gọi là trái chủ

- Trái phiếu là chứng khoán nợ, việc phát hành trái phiếu để huy động vốn trung và dài hạn.

- Trái phiếu luôn có kỳ hạn thanh toán và được xác định trước.

- Lợi tức trái phiếu được xác định trước không phụ thuộc vào kết quả hoạt động của công ty. Khi công ty bị thanh lý giải thể, người mua trái phiếu được ưu tiên thanh toán trước người nắm giữ cổ phiếu.

- Người mua trái phiếu là người cho công ty vay, họ không có quyền tham gia vào việc quản lý công ty và nói chung không phải chịu rủi ro của công ty

Tính bài tập:

- Lãi suất hiện hành = (Trái tức/Thị giá cổ phiếu) x 100 = = 9,09%/năm (0,5 điểm)

- Lãi suất đáo hạn = 



**Câu 2**

**Trình bày khái niệm và giải thích công thức tính lãi đơn và lãi kép?**

**Tính bài tập: Ông A còn 10 năm nữa về hưu, ông dự tính khi về hưu sẽ có một khoản tiền để giải quyết nhu cầu chi tiêu của gia đình bằng cách: ngay từ bây giờ, mỗi năm 1 lần ông gửi đều đặn 1 khoản tiền 10 triệu đồng vào ngân hàng với lãi suất 10%/năm theo phương thức lãi nhập gốc. Hãy tính tổng số tiền mà ông A có được khi bắt đầu nghỉ hưu? Biết các khoản tiền ông A gửi vào cuối mỗi năm.**

a. Lãi đơn:

- Là số tiền lãi được xác định dựa trên số vốn gốc (vốn đầu tư ban đầu) với 1 lãi suất nhất định

- Đặc điểm: Chỉ có vốn sinh lời còn lãi không sinh lời

- Áp dụng trong các nghiệp vụ tài chính ngắn hạn

- Công thức tính lãi đơn:

Fn = V0 (1 + i.n)

*Trong đó:* Fn: Giá trị tương lai (Giá trị đơn) tại thời điểm cuối kỳ thứ n

V0: Số vốn gốc (vốn đầu tư ban đầu)

i: Lãi suất/kỳ (kỳ: Tháng, quí, 6 tháng, năm…)

n: Số kỳ tính lãi

b. Lãi kép:

- Là số tiền lãi được xác định dựa trên cơ sở số tiền lãi của các thời kỳ trước đó được gộp vào vốn gốc để làm căn cứ tính tiền lãi cho các thời kỳ tiếp theo

- Đặc điểm: Chẳng những vốn sinh ra lãi mà lãi cũng sinh ra lãi)

- Áp dụng trong các nghiệp vụ tài chính dài hạn

- Công thức tính lãi kép:

FVn = V0 (1+i)n

*Trong đó:* FVn : Giá trị kép nhận được tại thời điểm cuối kỳ thứ n

V0, i, n như trên

2. Tính bài tập

Đến khi về hưu số tiền ông A nhận được là:

FV = 10 \* (Tra bảng tài chính số 3) = 10\* 15,934 = 159,374 trđ

**Câu 3**

**Trình bày khái niệm và giải thích công thức tính lãi đơn, lãi kép?**

**Tính bài tập sau: Vào ngày 1/1, một công ty TNHH mua một ngôi nhà làm văn phòng giao dịch với giá 200 triệu đồng với sự thỏa thuận thanh toán như sau:**

**- Trả ngay 10% số tiền**

**- Số còn lại trả dần hàng năm bằng nhau trong 5 năm song phải chịu lãi 6% một năm của số nợ còn lại (theo phương thức tính lãi kép). Thời điểm tính trả lãi hàng năm là cuối năm (31/12)**

**Hãy xác định số tiền phải trả hàng năm là bao nhiêu để lần cuối cùng là vừa hết nợ.**

a. Lãi đơn:

- Là số tiền lãi được xác định dựa trên số vốn gốc (vốn đầu tư ban đầu) với 1 lãi suất nhất định

- Đặc điểm: Chỉ có vốn sinh lời còn lãi không sinh lời

- Áp dụng trong các nghiệp vụ tài chính ngắn hạn

- Công thức tính lãi đơn:

Fn = V0 (1 + i.n)

*Trong đó:* Fn: Giá trị tương lai (Giá trị đơn) tại thời điểm cuối kỳ thứ n

V0: Số vốn gốc (vốn đầu tư ban đầu)

i: Lãi suất/kỳ (kỳ: Tháng, quí, 6 tháng, năm…)

n: Số kỳ tính lãi

b. Lãi kép:

- Là số tiền lãi được xác định dựa trên cơ sở số tiền lãi của các thời kỳ trước đó được gộp vào vốn gốc để làm căn cứ tính tiền lãi cho các thời kỳ tiếp theo

- Đặc điểm: Chẳng những vốn sinh ra lãi mà lãi cũng sinh ra lãi

- Áp dụng trong các nghiệp vụ tài chính dài hạn

- Công thức tính lãi kép:

FVn = V0 (1+i)n

*Trong đó:* FVn : Giá trị kép nhận được tại thời điểm cuối kỳ thứ n

V0, i, n như trên

2. Tính bài tập (1 điểm)

Gọi A là số tiền phải trả hàng năm

PV = 200 x 10% + A \*= 20 + A \*

Tra bảng tài chính số 4A \* 4,2124 = 180 A = 42,731 trđ

Vậy số tiền phải trả hàng năm là 42,73 trđ

**Câu 4**

**Trình bày khái niệm và giải thích công thức tính lãi kép?**

**Tính bài tập: Doanh nghiệp A vay ngân hàng X một khoản tiền 6.345 triệu đồng với mức lãi suất là 11%/năm. Theo hợp đồng thỏa thuận, doanh nghiệp A phải trả dần mỗi năm một lần số tiền bằng nhau (gồm cả gốc và lãi) trong thời hạn 6 năm, thời điểm bắt đầu sau 1 năm kể từ ngày vay vốn. Mỗi năm doanh nghiệp A phải trả số tiền là bao nhiêu? Lập kế hoạch trả nợ cho khoản vay trên của công ty.**

- Là số tiền lãi được xác định dựa trên cơ sở số tiền lãi của các thời kỳ trước đó được gộp vào vốn gốc để làm căn cứ tính tiền lãi cho các thời kỳ tiếp theo

- Đặc điểm: Chẳng những vốn sinh ra lãi mà lãi cũng sinh ra lãi

- Áp dụng trong các nghiệp vụ tài chính dài hạn

- Công thức tính lãi kép:

FVn = V0 (1+i)n

*Trong đó:* FVn : Giá trị kép nhận được tại thời điểm cuối kỳ thứ n

V0: Số vốn gốc (vốn đầu tư ban đầu)

i: Lãi suất/kỳ (kỳ: Tháng, quí, 6 tháng, năm…)

n: Số kỳ tính lãi

2. Tính bài tập: (1,5 điểm)

- Số tiền mỗi năm công ty A phải trả: (0,5 điểm)

|  |  |
| --- | --- |
| PV = A x | 1 – (1 + i)-n |
| i |

|  |  |
| --- | --- |
| 6.345 = A x | 1 – (1 + 11% )-6 |
| 11% |

Tra bảng tài chính số 4

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| => A = | 6.345 | = 1.500 (trđ) |
| 4,23 |

- Bảng kế hoạch trả nợ: (1 điểm) Đơn vị: triệu đồng

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kỳ hạn** | **Dư nợ đầu kỳ** | **Trả nợ trong kỳ** | | | **Dư nợ cuối kỳ** |
| **Tổng** | **Nợ gốc** | **Lãi** |
| 1 | 6.345 | 1.500 | 802,05 | 697,95 | 5.542,95 |
| 2 | 5.542,95 | 1.500 | 890,275 | 609,725 | 4.652,675 |
| 3 | 4.652,675 | 1.500 | 988,206 | 511,794 | 3.664,469 |
| 4 | 3.664,469 | 1.500 | 1.096,908 | 403,092 | 2.567,561 |
| 5 | 2.567,561 | 1.500 | 1.217,568 | 282,432 | 1.349,993 |
| 6 | 1.349,993 | 1.500 | 1.349,993 | 150,007 | 0 |

**Câu 5**

**Trình bày khái niệm và giải thích công thức tính lãi đơn, lãi kép?**

**Tính bài tập sau**

**Giả sử doanh nghiệp A phải hoàn trả một số nợ là 10.000.000$ ở cuối năm thứ 10. Doanh nghiệp muốn lập ra một quỹ hoàn trái, để dành một số lượng tiền cố định mỗi năm, thời điểm 1 năm sau bắt đầu từ hôm nay, với lãi suất 8%/năm để có 10.000.000$ ở cuối năm thứ 10. Gọi CF là số tiền tích lũy hàng năm vào quỹ hoàn trái. Tính CF**

a. Lãi đơn:

- Là số tiền lãi được xác định dựa trên số vốn gốc (vốn đầu tư ban đầu) với 1 lãi suất nhất định

- Đặc điểm: Chỉ có vốn sinh lời còn lãi không sinh lời

- Áp dụng trong các nghiệp vụ tài chính ngắn hạn

- Công thức tính lãi đơn:

Fn = V0 (1 + i.n)

*Trong đó:* Fn: Giá trị tương lai (Giá trị đơn) tại thời điểm cuối kỳ thứ n

V0: Số vốn gốc (vốn đầu tư ban đầu)

i: Lãi suất/kỳ (kỳ: Tháng, quí, 6 tháng, năm…)

n: Số kỳ tính lãi

b. Lãi kép:

- Là số tiền lãi được xác định dựa trên cơ sở số tiền lãi của các thời kỳ trước đó được gộp vào vốn gốc để làm căn cứ tính tiền lãi cho các thời kỳ tiếp theo

- Đặc điểm: Chẳng những vốn sinh ra lãi mà lãi cũng sinh ra lãi

- Áp dụng trong các nghiệp vụ tài chính dài hạn

- Công thức tính lãi kép:

FVn = V0 (1+i)n

*Trong đó:* FVn : Giá trị kép nhận được tại thời điểm cuối kỳ thứ n

V0, i, n như trên

2. Tính bài tập (1 điểm)

FV = CF \* = 10.000.000

* CF \* 14.4866 = 10.000.000
* CF = 690293,1 $

**Câu 6**

**Trái phiếu là gì? Thế nào là định giá trái phiếu?**

**Tính bài tập sau**

**Giả sử trái phiếu có mệnh giá 1000$ được hưởng lãi suất 8%/năm trong thời hạn 5 năm và nhà đầu tư đòi hỏi tỷ suất lợi nhuận 10%. Tính giá trái phiếu này.**

*- Trái phiếu (bond)* là công cụ nợ dài hạn do Chính phủ hoặc công ty phát hành nhằm huy động vốn dài hạn. Trái phiếu do chính phủ phát hành gọi là *trái phiếu chính phủ* *(government bond)* hay trái phiếu kho bạc (treasury bond). Trái phiếu do công ty phát hành gọi là *trái phiếu công ty* *(corporate bond).*

Trên trái phiếu có ghi một số tiền nhất định, gọi là mệnh giá của trái phiếu. *Mệnh giá* (face or par value) tức là giá trị được công bố của tài sản. Ngoài việc công bố mệnh giá, người ta còn công bố lãi suất của trái phiếu. Lãi suất mà người phát hành công bố đuợc gọi là lãi danh nghĩa của trái phiếu tức là lãi suất mà người mua trái phiếu được hưởng, nó được tính bằng số tiền lãi được hưởng chia cho mệnh giá của trái phiếu tuỳ theo thời hạn nhất định.

- *Định giá trái phiếu* tức là xác định giá trị lý thuyết của trái phiếu một cách chính xác và công bằng. Giá trị của trái phiếu được định giá bằng cách xác định giá trị hiện tại của toàn bộ thu nhập nhận được trong thời hạn hiệu lực của trái phiếu.

Bài tập:



**Câu 7**

**Trình bày khái niệm và giải thích công thức định giá trái phiếu có kỳ hạn được hưởng lãi định kỳ.**

**Tính bài tập sau:**

**Kho bạc phát hành trái phiếu có mệnh giá 10 triệu đồng, kỳ hạn 5 năm, trả lãi theo định kỳ nửa năm với lãi suất 10%/năm và nhà đầu tư đòi hỏi tỷ suất lợi nhuận 12% khi mua trái phiếu này. Hãy định giá trái phiếu**

Trái phiếu có kỳ hạn được hưởng lãi (nonzero coupon bond) là loại trái phiếu có xác định thời hạn đáo hạn và lãi suất được hưởng qua từng thời hạn nhất định. Khi mua loại trái phiếu này nhà đầu tư được hưởng lãi định kỳ, thường là hàng năm, theo lãi suất công bố (coupon rate) trên mệnh giá trái phiếu và được thu hồi lại vốn gốc bằng mệnh giá khi trái phiếu đáo hạn. Phần lớn các trái phiếu phát hành ở Việt Nam hiện nay, kể cả trái phiếu chính phủ lẫn trái phiếu công ty, đều thuộc loại này. Để định giá, sử dụng mô hình chiết khấu dòng tiền với các ký hiệu:

• I là lãi cố định được hưởng từ trái phiếu

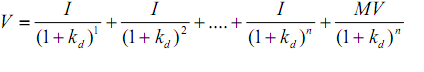
• V là giá của trái phiếu

• kd là tỷ suất lợi nhuận yêu cầu của nhà đầu tư

• MV là mệnh giá trái phiếu

• n là số năm cho đến khi đáo hạn

Chúng ta có mô hình định giá của trái phiếu, bằng hiện giá toàn bộ dòng tiền thu nhập từ trái phiếu trong tương lai, được xác định như sau:





trong đó I là lãi cố định được hưởng theo từng định kỳ. Giá trị của I bằng mệnh giá nhân với lãi suất được công bố trên trái phiếu.

Bài tập:

Giá của trái phiếu là



triệu đồng

**Câu 8**

**Trình bày khái niệm và giải thích công thức định giá trái phiếu có kỳ hạn không hưởng lãi định kỳ.**

**Tính bài tập sau:**

**Hãy định giá trái phiếu có mệnh giá 1000$ không hưởng lãi định kỳ, có thời hạn 5 năm và nhà đầu tư đòi hỏi tỷ suất lợi nhuận 12%.**

Trái phiếu kỳ hạn không hưởng lãi (zero-coupon bond) là loại trái phiếu không có trả lãi   
định kỳ mà được bán với giá thấp hơn nhiều so với mệnh giá. Khi mua loại trái phiếu này nhà đầu tư vẫn nhận được lợi tức, chính là phần chênh lệch giữa giá mua với mệnh giá của trái phiếu. Do vậy, giá của trái phiếu không hưởng lãi được xác định như là hiện giá của mệnh giá khi trái phiếu đáo hạn



Trong đó: V là giá của trái phiếu

• kd là tỷ suất lợi nhuận yêu cầu của nhà đầu tư

• MV là mệnh giá trái phiếu

• n là số năm cho đến khi đáo hạn

Bài tập

Giá của trái phiếu là:



$

**Câu 9**

**Trình bày khái niệm và đặc điểm của vốn lưu động? Phân biệt vốn cố định và vốn lưu động?**

**Tính số vốn lưu động bình quân sử dụng trong năm và số ngày luân chuyển vốn lưu động trong năm N biết số liệu trong năm như sau: doanh thu thuần của doanh nghiệp đạt được là 360 triệu đồng, số vòng quay vốn lưu động là 3 vòng; số vốn lưu động đầu năm là 110 triệu đồng; cuối quý 1 là 115 triệu đồng, cuối quý 2 là 120 triệu đồng, cuối quí 3 là 125 triệu đồng và cuối quý 4 là 130 triệu đồng**

1. Trình bày khái niệm và đặc điểm của vốn lưu động (0,5 điểm)

- Khái niệm: Vốn lưu động của doanh nghiệp là số vốn ứng ra để hình thành nên các tài sản lưu động nhằm đảm bảo cho quá trình kinh doanh của doanh nghiệp được thực hiện thường xuyên, liên tục. Vốn lưu động luân chuyển toàn bộ giá trị ngay trong một lần và được thu hồi toàn bộ, hoàn thành một vòng luân chuyển khi kết thúc một chu kỳ kinh doanh.

- Đặc điểm:

+ Vốn lưu động trong quá trình chu chuyển luôn thay đổi hình thái biểu hiện.

+ Vốn lưu động chuyển toàn bộ giá trị ngay trong một lần và được hoàn lại toàn bộ sau mỗi chu kỳ kinh doanh.

+ Vốn lưu động hoàn thành một vòng tuần hoàn sau một chu kỳ kinh doanh.

2. Phân biệt vốn cố định và vốn lưu động. (0,5 điểm)

|  |  |
| --- | --- |
| **Vốn cố định** | **Vốn lưu động** |
| Vốn cố định của doanh nghiệp là bộ phận của vốn đầu tư ứng trước về tài sản cố định | Vốn lưu động của doanh nghiệp là bộ phận của vốn đầu tư ứng trước về tài sản lưu động |
| Vốn cố định trong quá trình chu chuyển không thay đổi hình thái biểu hiện | Vốn lưu động trong quá trình chu chuyển luôn thay đổi hình thái biểu hiện |
| Vốn cố định dịch chuyển từng phần vào giá trị sản phẩm mới được sáng tạo ra trong kỳ và được thu hồi giá trị từng phần sau mỗi chu kỳ kinh doanh | Vốn lưu động chuyển toàn bộ giá trị ngay trong một lần và được hoàn lại toàn bộ sau mỗi chu kỳ kinh doanh |
| Vốn cố định tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh mới hoàn thành một vòng chu chuyển | Vốn lưu động hoàn thành một vòng tuần hoàn sau một chu kỳ kinh doanh |

3. Tính bài tập (1 điểm)

- Tính số vốn lưu động bình quân sử dụng trong năm (0,75 điểm)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Vbq = | 110 | + 115 + 120 + 125 + | 130 | = 120 triệu |
| 2 | 2 |
| 4 | | |

- Số ngày luân chuyển vốn lưu động trong năm N:

K =  ngày (0,25 điểm)

**Câu 10**

**Trình bày khái niệm điểm hoà vốn. Viết và giải thích công thức tính sản lượng hoà vốn, doanh thu hoà vốn. Vẽ và mô tả đồ thị điểm hoà vốn.**

1. Khái niệm điểm hoà vốn: (0,5 điểm)

Điểm hòa vốn là điểm mà tại đó doanh thu bán hàng bằng với chi phí đã bỏ ra. Tại điểm hòa vốn, doanh nghiệp không có lãi và cũng không bị lỗ.

Khi xem xét điểm hòa vốn, người ta còn phân biệt ra 2 trường hợp là điểm hòa vốn kinh tế và điểm hòa vốn tài chính.

- Điểm hòa vốn kinh tế là điểm biểu thị doanh thu bằng tổng chi phí sản xuất kinh doanh gồm tổng chi phí biến đổi và tổng chi phí cố định kinh doanh (chưa tính lãi vay vốn kinh doanh phải trả).

Tại điểm hòa vốn kinh tế, lợi nhuận trước lãi vay và thuế bằng 0.

- Điểm hòa vốn tài chính: là điểm tại đó biểu thị doanh thu bằng tổng chi phí sản xuất kinh doanh và lãi vay vốn kinh doanh phải trả.

Tại điểm hòa vốn này lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp bằng 0.

2. Viết và giải thích công thức tính sản lượng hoà vốn, doanh thu hoà vốn (1 điểm)

- Công thức tính sản lượng hoà vốn

Qh = 

Trong đó:

Qh: là sản lượng sản phẩm cần tiêu thụ để đạt được hòa vốn (Sản lượng hoà vốn)

F: là tổng chi phí cố định kinh doanh

v: là chi phí biến đổi đơn vị sản phẩm

g: là giá bán đơn vị sản phẩm

- Công thức tính doanh thu hoà vốn

Sh = g x Qh hoặc Sh = 

Trong đó:

F: Tổng định phí

V: Tổng biến phí

S: Tổng doanh thu

3. Vẽ và mô tả đồ thị điểm hoà vốn (0,5 điểm)

**Điểm hoà vốn**

**S**

**TC**

**M**

**Sh**

**0**

**Qh**

**y**

**x x**

**I**

**F**

**lãi**

**lỗ**

**S, TC**

**V**

0x: Là đường biểu thị sản lượng bán ra

0y: Là trục biểu thị tổng doanh thu (S) và tổng chi phí (TC)

MF: Biểu thị chi phí cố định

0v: Biểu thị chi phí biến đổi

MTC: Là đường tổng chi phí (MTC //0v)

0S: Là đường doanh thu

I: Là điểm hòa vốn

Sh: Là doanh thu hòa vốn